

dung được quy định trên đây, Bên mời thầu phải xác định rõ những nội dung sau:

- Lý do chỉ định thầu;
- Kinh nghiệm và năng lực về mặt kỹ thuật, tài chính của nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu;
- Giá trị của gói thầu mua sắm hàng hóa đã được duyệt.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Các nội dung khác không quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định tại Quy chế Đấu thầu ban hành theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 về việc ban hành Quy chế Đấu thầu; Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999;

Mẫu hướng dẫn hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 04/2000/TT-BKH ngày 26/5/2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế Đấu thầu.

2. Hàng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổng hợp và gửi báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

BỘ XÂY DỰNG

QUYẾT ĐỊNH số 27/2000/QĐ-BXD ngày 08/12/2000 về việc ban hành Quy định Điều kiện kinh doanh xây dựng.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 03/2/2000 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 30/2000/NĐ-CP ngày 11/8/2000 của Chính phủ về việc bãi bỏ một số giấy phép và chuyển một số giấy phép thành điều kiện kinh doanh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách xây dựng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định Điều kiện kinh doanh xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN MẠNH KIỂM

QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN KINH DOANH XÂY DỰNG

(ban hành kèm theo Quyết định số 27/2000/QĐ-BXD ngày 08/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Các lĩnh vực kinh doanh xây dựng sau đây khi kinh doanh phải có điều kiện (không cần giấy phép):

1. Kinh doanh khảo sát xây dựng;
2. Kinh doanh thiết kế công trình;
3. Kinh doanh thi công xây lắp công trình.

I. Điều kiện kinh doanh khảo sát xây dựng:

1. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về khảo sát xây dựng;

2. Sử dụng lao động phải thực hiện các quy định của pháp luật về lao động;

3. Sử dụng phòng thí nghiệm để phục vụ cho kinh doanh khảo sát xây dựng thì phòng thí nghiệm đó phải được công nhận hợp chuẩn theo quy định tại Quy chế công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 65/BXD-KHCN ngày 22/3/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

4. Sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì phải thực hiện các quy định tại Thông tư số 22/TT-LĐTBXH ngày 08/11/1996 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn việc khai báo, đăng ký và xin cấp giấy phép sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

II. Điều kiện kinh doanh thiết kế công trình:

1. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về thiết kế công trình;

2. Sử dụng lao động chuyên môn phải qua đào tạo và phải thực hiện các quy định của pháp luật về lao động;

3. Có tổ chức quản lý chất lượng sản phẩm thiết kế công trình theo quy định tại Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng (ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của

Chính phủ) và các quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng (ban hành kèm theo Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 02/8/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng);

4. Thực hiện các chế độ bảo hiểm có liên quan theo quy định của pháp luật;

5. Người quản lý doanh nghiệp (quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 03/2/2000 của Chính phủ) phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình, thực hiện các quy định của Quy chế Cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình ban hành kèm theo Quyết định số 23/2000/QĐ-BXD ngày 13/11/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

III. Điều kiện kinh doanh thi công xây lắp công trình:

1. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về xây dựng;

2. Sử dụng lao động phải thực hiện các quy định của pháp luật về lao động;

3. Có tổ chức quản lý chất lượng xây dựng công trình theo quy định tại Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng (ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ) và các quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng (ban hành kèm theo Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 02/8/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng);

4. Thực hiện các chế độ bảo hiểm có liên quan theo quy định của pháp luật;

5. Sử dụng phòng thí nghiệm để phục vụ cho kinh doanh xây lắp công trình thì phòng thí nghiệm đó phải được công nhận hợp chuẩn theo quy định tại Quy chế Công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 65/BXD-KHCN ngày 22/3/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

6. Sử dụng các loại máy và thiết bị thi công phải đảm bảo an toàn vận hành. Sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì phải thực hiện các quy định tại Thông tư số 22/TT-LĐTBXH ngày 08/11/1996 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn việc khai báo, đăng ký và xin cấp giấy phép sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

7. Người trực tiếp chỉ huy thi công xây lắp công trình xây dựng chuyên ngành phải có trình độ chuyên môn về xây dựng chuyên ngành đó (có bằng trung cấp trở lên) và đã trực tiếp tham gia thi công xây lắp tối thiểu một công trình. Các loại thợ sử dụng trong thi công xây lắp công trình phải qua đào tạo và có chứng chỉ về chuyên môn, nắm vững về kỹ thuật an toàn lao động.

IV. Quản lý các hoạt động kinh doanh xây dựng:

1. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khi kinh doanh xây dựng phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện kinh doanh tại Quy định này, tự chịu trách nhiệm về sản phẩm của mình; chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý xây dựng địa phương và cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý xây dựng các cấp có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các điều kiện kinh doanh xây dựng và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo pháp luật./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN MẠNH KIỂM

TỔNG CỤC HẢI QUAN

THÔNG TƯ số 08/2000/TT-TCHQ ngày 20/11/2000 hướng dẫn thi hành Nghị định của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan.

Căn cứ khoản 2 Điều 35 Nghị định số 16/CP ngày 20 tháng 3 năm 1996, Điều 7 Nghị định số 54/1998/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 1998 và Điều 2 Nghị định số 58/2000/NĐ-CP ngày 24/10/2000 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Các Nghị định số 16/CP ngày 20/3/1996, Nghị định số 54/1998/NĐ-CP ngày 21/7/1998 và Nghị định số 58/2000/NĐ-CP ngày 24/10/2000 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 16/CP và số 54/CP quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan (dưới đây gọi chung là Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan).

2. Nguyên tắc áp dụng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan:

a) Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan được áp dụng với hành vi xảy ra tại thời điểm các Nghị định có hiệu lực.

b) Trong trường hợp Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan và văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định khác nhau về cùng một vấn đề, thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

c) Trong trường hợp Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan và văn bản quy phạm pháp luật khác quy định về cùng một vấn đề, do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau, thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau cùng.

d) Trong trường hợp Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan và văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan khác không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra trước ngày văn bản có hiệu lực, thì áp dụng văn bản mới.

3. Những từ ngữ tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan dưới đây được hiểu như sau:

a) "Hàng hóa, vật phẩm": là hàng hóa, hành lý, bưu phẩm, bưu kiện, ngoại hối, vàng, tiền Việt Nam và những vật phẩm khác.

b) "Mã hàng": là mã số thuế của hàng hóa theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

c) "Hàng hóa khuyến khích xuất khẩu, nhập khẩu": là hàng hóa không thuộc loại hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; không quản lý bằng hạn ngạch, giấy phép, kế hoạch định hướng.

d) "Mức trung bình của khung phạt tiền": là